

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
Số: 298 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ea Kar, ngày 03 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

**Thời gian và địa điểm nhận quyết định tuyển dụng, kỳ tuyển dụng viên chức
trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập huyện Ea Kar năm 2021**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-SNV ngày 09/6/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar thông báo việc tổ chức lễ công bố và trao quyết định tuyển dụng viên chức đối với các thí sinh trúng tuyển đã thực hiện đối chiếu hồ sơ (có danh sách kèm theo) với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Về thời gian:

- Thời gian: 14 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2022

2. Địa điểm:

- Hội trường UBND huyện Ea Kar, địa chỉ: Số 09 đường Trần Hưng Đạo, Thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Một số lưu ý:

- Khi đến nhận Quyết định tuyển dụng thí sinh trúng tuyển phải mang theo CCCD hoặc CMND và lý lịch Tư pháp (đối với các trường hợp chưa nộp về phòng Nội vụ).

- Yêu cầu các thí sinh trúng tuyển thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 khi đến nhận quyết định.

- Trong trường hợp bất khả kháng thí sinh chưa thể đến nhận Quyết định theo thời gian nêu trên thì liên hệ UBND huyện Ea Kar thông qua phòng Nội vụ (trong giờ hành chính) theo số điện thoại 0262.3601692 để được giải quyết theo quy định.

Đề nghị các thí sinh trúng tuyển tham gia đúng thời gian, địa điểm quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (B/c);
- TT HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trung tâm TT-VH-TT huyện (để T/b);
- Cổng thông tin điện tử huyện Ea Kar;
- Lưu: VT, NV, HSTD.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hà

UBND HUYỆN EA KAR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÃ ĐỐI CHIẾU HỒ SƠ TẠI KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP HUYỆN EA KAR NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số 298/TB-UBND ngày 03/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo	Vị trí tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ				
I	Vị trí việc làm: Giáo viên Mầm non hạng III , Mã số: V.07.02.26							
1	MN098	Phạm Thúy Trang		15/5/1996	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
2	MN042	Bế Thị Kim Liên		16/9/1994	Tày	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
3	MN108	Lê Thị Hải Yến		01/10/1996	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
4	MN107	Hoàng Thị Hải Yến		18/02/1999	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
5	MN001	Lê Thị Đông Anh		01/5/1993	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
6	MN059	Dương Thị Nhung		29/10/2000	Tày	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
7	MN028	Bàn Thị Huế		18/11/1995	Dao	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
8	MN010	Bùi Ngọc Diệp		02/9/1994	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
9	MN089	Phạm Thị Thùy		22/11/1996	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	

10	MN034	Võ Thị Huyền		20/9/1995	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
11	MN090	Đỗ Thị Việt Thùy		15/8/1997	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
12	MN002	Đặng Thị Minh Anh		03/12/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
13	MN004	H' Phê Bê Niê		13/5/1999	Ê đê	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
14	MN109	Hoàng Thị Yến		23/6/1996	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
15	MN026	Ngô Thị Hoa		03/5/1992	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
16	MN007	H' Ra Chel Niê		27/12/2000	Ê đê	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
17	MN024	Nguyễn Thị Hằng		06/11/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
18	MN087	Phạm Thị Hoài Thương		25/8/1997	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
19	MN096	Phạm Thị Trang		12/02/1995	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
20	MN072	Hà Thị Tuyết		20/6/1994	Thái	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
21	MN043	Trịnh Thị Liên		10/6/1996	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
22	MN067	Bùi Thị Minh Sâm		24/02/1996	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
23	MN021	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		06/5/1993	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
24	MN099	Phạm Thị Trâm		21/4/1992	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
25	MN006	Nguyễn Thị Chang		20/10/1997	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
26	MN055	Nguyễn Thị Ngọc		02/7/1996	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
27	MN052	Lê Thu Nga		04/8/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	

28	MN057	Phạm Thị Nguyên		02/02/1994	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
29	MN091	Nguyễn Thị Thủy		17/4/1984	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
30	MN100	Trịnh Thị Mỹ Trinh		07/12/1991	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
31	MN101	H' Trim Mlô		06/5/1997	Ê đê	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
32	MN003	Đặng Ngọc Ánh		19/3/1993	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
33	MN092	Phạm Thị Thủy		28/02/1994	Mường	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
34	MN071	Lê Thị Kim Tuyền		02/9/1998	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
35	MN065	Hà Thị Quỳnh		12/9/1995	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
36	MN082	Nguyễn Thị Thu		17/10/1995	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
37	MN104	Nguyễn Thị Hạ Vi		05/9/1994	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
38	MN051	Vũ Thị Tuyết Nga		11/7/1994	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
39	MN029	Nông Thị Huệ		21/4/2000	Tày	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
40	MN074	Trương Thị Thanh		12/8/1996	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
41	MN014	Nguyễn Thanh Giang		22/3/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
42	MN033	Nguyễn Thị Huyền		29/5/1997	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
43	MN086	Nguyễn Thị Thùy		29/06/1995	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
44	MN045	Trần Thị Mỹ Linh		17/5/1999	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
45	MN077	Phan Thị Thảo		20/4/1995	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	

46	MN097	Nguyễn Thị Thu Trang		16/7/1998	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
47	MN054	H' Ngeon Niê		08/01/1995	Ê đê	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
48	MN094	Nguyễn Thị Thanh Thủy		04/10/1995	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
49	MN025	Hoàng Thị Thu Hiền		24/02/1996	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
50	MN030	Nguyễn Thị Huệ		10/02/1990	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
51	MN040	Mai Thị Lan		02/4/1995	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
52	MN079	Quách Thị Quý Thơ		30/4/1999	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
53	MN080	Phạm Thị Thơm		23/4/1991	Thái	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
54	MN081	Nông Thị Thu		12/5/1998	Tày	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
55	MN085	Lê Thị Thanh Thúy		6/9/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
56	MN035	Phan Thị Hương		22/02/1984	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
57	MN070	Hứa Thị Kim Tuyến		26/6/1999	Nùng	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
58	MN008	Nguyễn Thị Chi		18/6/1996	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
59	MN027	Trần Thị Hoa		12/01/1994	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
60	MN013	Hoàng Thị Mỹ Duyên		10/5/1999	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
61	MN032	Nguyễn Thị Huyền		10/10/1995	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
62	MN088	Lê Thị Trang		14/6/1995	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
63	MN039	Lê Thị Thúy Khuyên		14/3/1996	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
64	MN050	Nguyễn Thị Thanh Nam		25/02/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
65	MN053	Triệu Thị Ngân		25/5/1997	Dao	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	

66	MN066	Hồ Thị Như Quỳnh		05/6/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
67	MN046	Mai Thị Yến Linh		26/12/1999	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
68	MN011	Đỗ Thị Thùy Dung		05/8/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
69	MN103	Nguyễn Thị Vân		28/12/1993	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
70	MN106	Trương Nguyễn Hải Yến		08/3/2000	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
71	MN020	Lê Thu Hà		19/12/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
72	MN009	Phạm Thị Lan Chinh		20/8/1999	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
73	MN017	Trần Thị Giang		27/11/1990	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
74	MN022	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		30/7/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
75	MN084	Tăng Thị Thúy		01/10/1993	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
76	MN019	Vũ Thị Hà		05/5/1998	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
77	MN063	Nguyễn Hồng Phượng		17/9/1994	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
78	MN078	Nguyễn Thị Hồng Thắm		07/12/1992	Kinh	CĐ SP M. Non	GV Mầm non	
79	MN083	Lê Thị Thúy		28/8/1997	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
80	MN076	Nguyễn Thị Ngọc Dạ Thảo		04/01/1988	Kinh	ĐH SP M. Non	GV Mầm non	
II Vị trí việc làm: Giáo viên Tiểu học đứng lớp hạng III , Mã số: V.07.03.29								
1	THDL143	Trần Thị Kiều Oanh		09/7/1997	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
2	THDL156	Nguyễn Thị Thủy		15/9/1989	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
3	THDL152	Trần Thị Thảo		23/8/1995	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	

4	THDL161	Bùi Thị Thu Trang		24/10/1993	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
5	THDL155	Nguyễn Thị Minh Thúy		11/02/1996	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
6	THDL118	Lăng Thị Giò		01/9/1993	Nùng	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
7	THDL116	Y Diông Niê	12/5/1980		Ê đê	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
8	THDL115	Nguyễn Thị Thu Diệu		28/7/1995	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
9	THDL141	Mai Thị Ngọc Nga		10/01/1997	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
10	THDL162	Nguyễn Thị Thu Trang		23/4/1994	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
11	THDL131	Nguyễn Thị Lan Hương		20/3/1998	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
12	THDL127	Phan Thị Hoa		24/5/1991	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
13	THDL122	Phan Thị Hằng		20/6/1991	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
14	THDL120	Nguyễn Thị Hoàng Hà		14/6/1997	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
15	THDL124	Trần Thị Hậu		21/9/1998	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
16	THDL144	Bùi Thị Mai Phương		12/11/1997	Mường	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
17	THDL121	Lý Thị Hà		01/11/1992	Nùng	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
18	THDL150	Nguyễn Thị Thảo		21/8/1990	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
19	THDL158	Hồ Thị Mai Thương		28/8/1992	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
20	THDL145	Trần Thị Thanh Phượng		10/12/1993	Kinh	ĐH GD Tiểu học	GV đứng lớp	
III	Vị trí việc làm: Giáo viên Tiểu học môn Tiếng Anh - hạng III , Mã số: V.07.03.29							
1	THTA177	Lê Thị Thùy Trang		26/11/1997	Kinh	ĐH SP Tiếng Anh	GV TH Tiếng Anh	

2	THTA172	Trương Thị Hương		30/4/1994	Kinh	ĐH SP Tiếng Anh	GV TH Tiếng Anh	
IV	Vị trí việc làm: Giáo viên Tiểu học môn Mỹ thuật hạng III , Mã số: V.07.03.29							
1	THMT181	Mai Thị Hương		16/8/1989	Kinh	ĐH SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	
2	THMT182	Nguyễn Thị Loan		20/6/1986	Kinh	ĐH SP Mỹ Thuật	GV Mỹ Thuật	
V	Vị trí việc làm: Giáo viên THCS môn Toán - hạng III , Mã số: V.07.04.32							
1	T192	Lê Thị Linh		06/11/1994	Kinh	ĐH SP Toán	GV môn Toán	
2	T190	Nguyễn Thị Liêu		05/6/1987	Kinh	ĐH SP Toán	GV môn Toán	
3	T199	Hoàng Thị Tiêm		20/10/1989	Kinh	ĐH SP Toán	GV môn Toán	
4	T185	Nguyễn Văn Dự	26/7/1995		Kinh	ĐH SP Toán	GV môn Toán	
5	T193	Nguyễn Thị Thùy Linh		12/10/1998	Kinh	ĐH SP Toán	GV môn Toán	
6	T203	Nguyễn Khả Diệu Thúy		16/5/1993	Kinh	ĐH SP Toán	GV môn Toán	
VI	Vị trí việc làm: Giáo viên THCS môn Ngữ Văn - hạng III , Mã số: V.07.04.32							
1	NV209	Trần Trịnh Hồng Anh		04/11/1999	Kinh	ĐH SP Ngữ văn	GV Ngữ Văn	
2	NV213	H' Ô Lia Byă		10/6/1994	Ê đê	ĐH SP Ngữ văn	GV Ngữ Văn	
3	NV220	Lê Thị Ánh Tuyết		22/4/1994	Kinh	ĐH SP Ngữ văn	GV Ngữ Văn	
4	NV222	Đoàn Thị Thảo		26/10/1994	Kinh	ĐH SP Ngữ văn	GV Ngữ Văn	
VII	Vị trí việc làm: Giáo viên THCS môn Tiếng Anh - hạng III , Mã số: V.07.04.32							
1	TA226	Trần Thị Ngọc Hà		05/7/1995	Kinh	ĐH SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	
2	TA228	Lê Thị Ngọc		30/11/1999	Kinh	ĐH SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	

3	TA225	Bùi Ngọc Ánh		26/8/1999	Kinh	ĐH SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	
VIII Vị trí việc làm: Giáo viên THCS môn Sinh học - hạng III , Mã số: V.07.04.32								
1	SH234	Nguyễn Thị Hồng Thơm		30/10/1998	Kinh	ĐH SP Sinh học	GV Sinh học	
IX Vị trí việc làm: Giáo viên THCS môn Vật lý - hạng III , Mã số: V.07.04.32								
1	VL250	Đoàn Vinh Thuận	08/11/1994		Kinh	ĐH SP Vật lý	GV Vật lý	
2	VL252	Lê Thị Hà Thương		03/02/1992	Kinh	ĐH SP Vật lý	GV Vật lý	
X Vị trí việc làm: Giáo viên THCS môn Công nghệ - hạng III , Mã số: V.07.04.32								
1	CN253	Phạm Công Chiến	06/02/1986		Kinh	ĐH SP Kỹ thuật	GV Công nghệ	

(Danh sách này có 121 thí sinh)



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÃ ĐỐI CHIẾU HỒ SƠ TẠI KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP HUYỆN EA KAR NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số 298/TB-UBND ngày 03/8/2022 của UBND huyện Ea Kar)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ và chuyên ngành được đào tạo	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ ngoại ngữ	Đăng ký vị trí tuyển dụng	Ghi chú
			Nam	Nữ						
I	Vị trí việc làm: Nhân viên Thư viện (Thư viện viên hạng IV), Mã số: V.10.02.07									
1	NVTV296	Lê Thị Như Ngọc		24/8/1991	Kinh	TC Thư viện - Thiết bị	UDCNTTCB	B	NV Thư viện	
2	NVTV297	Đặng Thị Thúy		26/6/1988	Kinh	CĐ Lưu trữ	B	B	NV Thư viện	
II	Vị trí việc làm: Nhân viên kế toán (Kế toán viên Trung cấp), Mã số: V.06.032									
3	NVKT271	Lê Thị Luyến		10/02/1982	Kinh	Ths. TC-Ngân hàng	TC	B1	NV Kế toán	
4	NVKT261	Nguyễn Thị Bích Hà		01/9/1990	Kinh	ĐH Kế toán	B	B	NV Kế toán	
5	NVKT267	Trần Thị Mỹ Liêm		08/10/1989	Kinh	CĐ Kế toán	B	B	NV Kế toán	
6	NVKT258	Trần Thị Thùy Dương		26/02/1984	Kinh	CĐ Kế toán		A	NV Kế toán	
7	NVKT260	H' Khuyên Niê		13/4/1990	Kinh	ĐH TC - Ngân hàng	B	C	NV Kế toán	
8	NVKT290	Bùi Thị Bích Trâm		05/12/1990	Kinh	ĐH Kế toán	B	C	NV Kế toán	
9	NVKT287	Lê Thị Nguyễn Thùy		30/8/1989	Kinh	ĐH Kế toán	B	B	NV Kế toán	
10	NVKT284	Nguyễn Nữ Thanh Thanh		24/7/1992	Kinh	ĐH Kế toán	UDCNTTCB	B	NV Kế toán	
11	NVKT272	Nguyễn Thị Lý		25/6/1985	Kinh	ĐH Kế toán	B	B	NV Kế toán	

12	NVKT281	Đỗ Thị Quyển		22/10/1989	Kinh	ĐH Kế toán	B	B	NV Kế toán	
13	NVKT283	Nguyễn Thị Tuyền		10/02/1984	Kinh	ĐH Kế toán	VP	A	NV Kế toán	
14	NVKT294	Nguyễn Thị Hải Yến		15/10/1991	Kinh	CĐ Kế toán	KT máy	B	NV Kế toán	
15	NVKT273	Tổng Thị Mai		12/9/1983	Kinh	ĐH Kế toán	UDCNTTCB	B	NV Kế toán	
16	NVKT262	Nguyễn Thị Thu Hà		03/5/1983	Kinh	ĐH Kế toán	B	B	NV Kế toán	
17	NVKT286	Nguyễn Thị Thu		03/11/1993	Kinh	CĐ Kế toán	B	B	NV Kế toán	
18	NVKT255	H' Zuin ÊBan Bkrông		11/7/1991	Ê đê	ĐH Kế toán	B	C	NV Kế toán	
19	NVKT288	Nguyễn Thị Thủy		18/08/1992	Kinh	CĐ Kế toán	A	C	NV Kế toán	
III	Vị trí việc làm: Nhân viên Y tế (Y sĩ hạng IV), Mã số: V.08.03.07									
20	NVYT306	Đậu Thị Thanh Tâm		08/4/1985	Kinh	Y sĩ đa khoa	CNTTCB	Anh B	NV y tế	
21	NVYT302	Nguyễn Thị Hoài		22/4/1990	Kinh	Y sĩ	CNTTCB	Anh B	NV y tế	
22	NVYT303	Vũ Thị Thu Hương		02/10/1991	Kinh	Y sĩ	A	Anh B	NV y tế	
23	NVYT311	Nguyễn Thúy Thương		20/6/1989	Kinh	Y sĩ đa khoa	B	Anh B	NV y tế	
24	NVYT307	Vương Thị Thảo		07/8/1992	Kinh	Y sĩ đa khoa	B	Anh B	NV y tế	
25	NVYT308	Trần Thị Thanh Thủy		30/12/1991	Kinh	Y sĩ	UDCNTTCB	Anh B	NV y tế	
26	NVYT304	Lê Thị Trà My		20/11/1993	Kinh	Y sĩ	B	Anh B	NV y tế	
27	NVYT314	Phạm Thị Xuân		02/6/1991	Kinh	Y sĩ	A	Anh B	NV y tế	
28	NVYT299	Đặng Thị Chung		02/3/1990	Kinh	Y sĩ	B	Anh B	NV y tế	
29	NVYT305	Mông Thị Niên		11/02/1992	Nùng	Y sĩ	B	Anh A	NV y tế	

(Danh sách này có 29 thí sinh)